

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2022/HS - PT

Ngày: 16 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh Bình**.

Các Thẩm phán: Ông **Mai Văn Hùng Cường**.

Ông **Võ Trung Hiếu**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Mơ** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Kiến Phi** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 195/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc P do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1978 tại tỉnh An Giang. Nơi cư trú: 60/17/17A, khóm B, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị Bích T (sinh năm 1960); Anh, em ruột có 02 người, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ tên: Nguyễn Thị T (sinh năm 1983) và có 01 người con sinh năm 2010; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn dân sự có kháng cáo:

Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) C do ông Nguyễn Minh C làm chủ. Địa chỉ: Số 103/10 Khóm BĐ, phường BĐ, thành phố X, tỉnh An Giang. Ủy quyền cho ông Lê Hoàng A, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp AL, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

Bị hại: Nguyễn Văn B, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 6XX Khu phố V, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang. (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án có 04 bị hại, 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc P được Sở giao thông vận tải tỉnh An Giang cấp giấy phép lái xe hạng A1, E, FC số 890969000XXX có giá trị đến ngày 20/9/2018. P là tài xế lái xe thuê cho Doanh nghiệp tư nhân C.

Vào ngày 19/02/2017, P điều khiển xe ô tô biển số XXB-012.XX chở khách từ thành phố Hồ Chí Minh đến tỉnh An Giang. Đến khoảng 00 giờ 35 phút cùng ngày, P điều khiển xe đến km 2017 + 300m quốc lộ 1, thuộc ấp M, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang, xe lưu thông trên làn đường ngoài cùng bên trái, tốc độ khoảng 49km/h. Phía trước cùng chiều xảy ra va chạm giao thông giữa xe ô tô biển số XXA-513.XX do anh Phạm Văn D, sinh năm 1988, thường trú số 165/39 đường Z, phường Z, quận G, thành phố Hồ Chí Minh điều khiển và xe ô tô biển số XXB-021.XX, do anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, thường trú số 1XX khu phố X, phường NT, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa điều khiển nên các xe lưu thông phía sau giảm tốc độ và dừng lại tạo ra ùn tắc giao thông trên đường. Lúc này, P điều khiển xe ô tô biển số XXB-012.XX không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước nên để đầu xe ô tô biển số XXB-012.XX đụng vào đuôi xe ô tô XXC- 028.XX do anh Trần Minh P, sinh năm 1989, thường trú ấp Đ, xã P, huyện VT, tỉnh Kiên Giang điều khiển, xe XXC- 028.XX trượt về phía trước và đụng vào đuôi xe ô tô XXN-89XX do ông Trần Đức T sinh năm 1977, thường trú số 1XX, khu dân cư Z, ấp S, xã PH, huyện Q, tỉnh Đồng Nai điều khiển, xe XXN-89XX trượt về trước và đụng vào đuôi xe ô tô XXB-021.XX do anh T điều khiển, xe ô tô XXB-021.XX tiếp tục trượt về trước và đụng vào đuôi xe ô tô biển số XXA-513.XX do anh D điều khiển dẫn đến tai nạn. Hậu quả làm hư hỏng xe ô tô XXA-513.XX, xe ô tô XXB-021.XX, xe ô tô XXN-89XX và xe ô tô XXC-028.XX.

Bản kết luận định giá tài sản số 78/KLTĐ-TTHS ngày 05/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận:

- Xe ô tô biển số XXA-513.XX trước khi xảy ra tai nạn trị giá 91.445.000 đồng, sau khi xảy ra tai nạn trị giá 18.289.000 đồng, giá trị tài sản thiệt hại là: $91.445.000 - 18.289.000 = 73.156.000$ đồng.

- Xe ô tô biển số XXB-021.XX trước khi xảy ra tai nạn trị giá 585.914.000 đồng, sau khi xảy ra tai nạn trị giá 460.361.000 đồng, giá trị tài sản thiệt hại là: $585.914.000 - 460.361.000 = 125.553.000$ đồng.

- Xe ô tô biển số XXN-89XX trước khi xảy ra tai nạn trị giá 126.970.500 đồng, sau khi xảy ra tai nạn trị giá 42.323.500 đồng, giá trị tài sản thiệt hại là: $126.970.500 - 42.323.500 = 84.647.000$ đồng.

- Xe ô tô biển số XXC-028XX trước khi xảy ra tai nạn trị giá 389.844.000 đồng, sau khi xảy ra tai nạn trị giá 64.974.000 đồng, giá trị tài sản thiệt hại là: $389.844.000 - 64.974.000 = 324.870.000$ đồng.

Theo Công văn số 03/CV-HĐĐG ngày 15/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định: giá trị thiệt hại phần đầu xe ô tô biển số XXB-021.XX là 34.134.947 đồng, phần đuôi xe là 91.418.053 đồng.

Đối với thiệt hại của xe ô tô XXB-021.XX và xe ô tô XXA-513.XX, quá trình điều tra xác định, trước khi xe ô tô biển số 012.XX do bị cáo điều khiển gây tai nạn thì xe ô tô biển số XXB-021.XX do anh T điều khiển đã va chạm vào đuôi xe ô tô biển số XXA-513.XX do anh D điều khiển đã làm hư hỏng phần đuôi xe ô tô XXA-513.XX và đầu xe ô tô XXB-021.XX (theo Công văn số 03/CV-HĐĐG ngày 15/3/2021 giá trị thiệt hại phần đầu xe ô tô XXB-021.XX là 34.134.947 đồng, phần đuôi xe là 91.418.053 đồng). Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác định phần thiệt hại của phần đầu của xe ô tô biển số XXB-021.XX và xe ô tô biển số XXA-513.XX do bị cáo gây thiệt hại là những bộ phận nào, anh T gây thiệt hại là những bộ phận nào, do đó Cơ quan điều tra chỉ có căn cứ xác định phần thiệt hại của xe ô tô biển số XXN-89XX là 84.647.000 đồng và xe ô tô biển số XXC-028.XX là 324.870.000 đồng và đuôi xe ô tô biển số XXB-021.XX là 91.418.053 đồng để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, bị cáo bị quy kết trách nhiệm hình sự đối với tổng giá trị tài sản thiệt hại là: $84.647.000 \text{ đồng} + 324.870.000 \text{ đồng} + 91.418.053 \text{ đồng} = 500.935.053 \text{ đồng}$.

- Đối với thiệt hại của xe ô tô biển số XXC-028XX: ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970, thường trú khu phố V, thị trấn VT, tỉnh Kiên Giang là người thuê xe ô tô biển số XXC-028.XX của DNTN Y, ông B yêu cầu bồi thường tổng số tiền 1.027.027.800 đồng, bao gồm: tiền sửa chữa xe theo báo giá của hãng xe Toyota là 398.527.800 đồng, tiền ông Nguyễn Văn B thuê xe XXC-028XX của Doanh nghiệp tư nhân Y (có hợp đồng thuê xe mỗi tháng là 8.500.000 đồng, ông B đã trả cho Doanh nghiệp tư nhân Y tổng cộng 63 tháng) là 535.500.000 đồng, tiền gửi xe tại hãng Toyota để chờ sửa chữa là 93.000.000 đồng. Hiện tại, ông Phan Thành Đ là đại diện cho DNTN C đã bồi thường cho ông B số tiền 140.000.000 đồng nên ông B yêu cầu tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 887.027.800 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 46, Điều 47, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589, 591 và 601 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ các Điều 106, 135, 136, 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc P phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

1. Về hình phạt:

Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về bồi thường dân sự:

Buộc DNTN C (đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Minh C) phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn B số tiền là 720.370.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu DNTN C (đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Minh C) bồi thường số tiền là 166.657.800 đồng.

Kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án nếu DNTN C chậm thi hành đối với nghĩa vụ bồi thường tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra trong bản án còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, bị cáo Nguyễn Ngọc P có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được hưởng án treo.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 DNTN C (đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Minh C) kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần bồi thường. Ông đồng ý bồi thường tiền sửa chữa xe là 324.870.000 đồng, không đồng ý bồi thường tiền thuê xe là 535.500.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Ngọc P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B đã nêu. Bị cáo rất ăn năn hối hận đối với hành vi của mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện theo ủy quyền của DNTN C là ông Lê Hoàng A: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại thời gian bồi thường tiền thuê xe, lý do Cơ quan cảnh sát Điều tra chỉ giữ xe 1,5 tháng còn thời gian sửa xe ông B thừa nhận là 2 tháng nên đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông B 04 tháng thuê xe mỗi tháng 8.500.000 đồng, số tiền thiệt hại do xe ngừng hoạt động là 34.000.000 đồng và tiền sửa chữa xe là 324.870.000 đồng, xin trừ đi 140.000.000 đồng tiền đã bồi thường trước đó .

Bị hại ông Nguyễn Văn B: Xác định thời gian Công an giữ xe là 1,5 tháng và thời gian sửa chữa xe là 02 tháng. Nay ông yêu cầu bồi thường tiền thiệt hại do thuê xe là 535.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo, bị đơn dân sự trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét. Về nội dung kháng cáo của bị cáo: Cấp sơ thẩm đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với các bị cáo là phù hợp. Bị cáo phạm tội gây thiệt hại nhiều phương tiện, gây mất an ninh trật tự nên không đủ điều kiện hưởng án treo. Đối với kháng cáo của DNTN C thấy rằng: Thời gian xảy ra tai nạn là ngày 19/02/2017, ngày 03/4/2017 thì Cơ quan Cảnh sát điều tra trả xe ô tô XXC-028-XX cho ông Trần Minh P là chủ sở hữu xe nêu trên. Thời gian xe không hoạt động được là khoảng 1,5 tháng. Sau khi nhận xe ô tô XXC-028-XX phía chủ xe không có sửa chữa mà để đến hơn 60 tháng sau mới sửa chữa và yêu cầu trả tiền thuê xe 63 tháng với số tiền 535.500.000 đồng là không phù hợp. Trong khi đó DNTN C đã ứng trước tiền chi phí sửa xe là 140.000.000 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa phần trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã nêu, lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: vào khoảng 00 giờ 35 phút ngày 19/02/2017, tại km 2017 + 300m quốc lộ Z, thuộc ấp M, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang, bị cáo Nguyễn Ngọc P điều khiển xe ô tô khách biển số XXB-012.XX do không giữ khoảng cách an toàn với xe liền trước dẫn đến tai nạn. Hậu quả làm hư hỏng đối với xe ô tô biển số XXN-89XX, xe ô tô biển số XXC-028.XX và phần đuôi của xe ô tô biển số XXB-021.XX với tổng giá trị tài sản thiệt hại là 500.935.053 đồng. Do đó cấp sơ thẩm kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc P phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến an toàn công cộng, gây hậu quả nghiêm trọng mà còn gây thiệt hại nhiều phương tiện giao thông với số tiền lớn. Do đó, phải áp dụng cho bị cáo mức án nghiêm khắc mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là không có căn cứ. Bởi lẽ: Về hình phạt đã xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên tuyên mức án 02

năm tù là phù hợp. Bị cáo phạm tội gây thiệt hại lớn về tài sản và mất an toàn giao thông nơi xảy ra vụ án. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không có bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với kháng cáo của DNTN C thấy rằng: Ông Nguyễn Văn B yêu cầu DNTN C do ông Nguyễn Minh C làm chủ bồi thường tiền sửa chữa xe là 324.870.000 đồng. Đối với phần tiền này phía ông C đồng ý nên được ghi nhận. Còn phần ông B yêu cầu ông C bồi thường phần tiền thuê xe 535.500.000 đồng là chưa có căn cứ vững chắc. Bởi lẽ: thời gian Cơ quan Công an tạm giữ xe do tai nạn là xảy ra tai nạn là 1,5 tháng (ngày 19/02/2017 đến ngày 03/4/2017); thời gian sửa chữa xe theo trình bày của ông B là 02 tháng. Như vậy thời gian thiệt hại là 3,5 tháng nhưng phía bị đơn dân sự đồng ý bồi thường 04 tháng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận thời gian thiệt hại là 04 tháng. Do đó ông B yêu cầu phía DNTN C bồi thường tiền thuê xe 63 tháng là không phù hợp do ông B đã nhận lại xe nhưng không chịu đưa đi sửa chữa là lỗi của ông B nên ông phải tự chịu thiệt hại. Như vậy thiệt hại của ông Nguyễn Văn B chi phí sửa chữa xe là 324.870.000 đồng và tiền thuê xe là 34.000.000 đồng. Tổng cộng thiệt hại là 358.870.000 đồng, trừ đi 140.000.000 đồng đã bồi thường nên DNTN C phải bồi thường tiếp cho ông Nguyễn Văn B số tiền 218.870.000 đồng là phù hợp. Phần tiền thuê xe 501.500.000 đồng ông B yêu cầu bồi thường là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên có xem xét khi nghị án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. DNTN C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; ông B phải chịu phần án phí phần không được chấp nhận yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc P. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn dân sự DNTN C do ông Nguyễn Minh C làm chủ.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc P phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 46, Điều 47, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ các Điều 584,

585, 586, 589, 591 và 601 của Bộ luật dân sự; Căn cứ các Điều 106, 135, 136, 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình phạt: Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về bồi thường dân sự:

Buộc DNTN C (do ông Nguyễn Minh C làm chủ) bồi thường cho ông Nguyễn Văn B số tiền 218.870.000 đồng.

Kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án nếu DNTN C chậm thi hành đối với nghĩa vụ bồi thường tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định của pháp luật, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu DNTN C (đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Minh C) bồi thường số tiền là 501.500.000 đồng.

2. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- DNTN C (do ông Nguyễn Minh C làm chủ) phải chịu 10.943.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền án phí HSPT đã nộp theo biên lai thu số 0010130 ngày 19/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, Tiền Giang nên phải nộp số tiền còn lại 10.643.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn B phải chịu 24.060.000 đồng án phí dân sự do không được chấp nhận yêu cầu.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thanh Bình